

Lịch Sử Đức Phật Tổ Cô Đàm  
Maha Thongkham Medhivongs

THIÊN THỨ MƯỜI BA (d)

**NHỮNG CHUYỆN LẠ XẢY RA TRONG BỐN MƯỜI LĂM NĂM  
TRUYỀN ĐẠO CỦA ĐỨC PHẬT TỔ CÔ ĐÀM (tt)**

-ooOoo-

**HÓA ĐỘ PHẠM THIÊN TÀ KIẾN PHAKÀ**

DUGGÀHADITHIBHUJAGENA SUDATTHA- HATTHAM  
BHRAHMAM VISUDDHIJUTIMIDDHIBA KÀBHID- HÀN NAM.  
NÀNÀGADENA VIDHINÀ JITAVÀ MUNINDO  
TANTEJASÀ BHAVATU TE JAYAMANGALÀNI.

Nghĩa: Đức Phật cảm thán Phạm Thiên tên Bá Ca (Phakà) người tự cho mình là cao thượng vì đức trong sạch có thần thông và chấp hãn tà kiến. Đức Chánh Biến Tri đã cảm thán được vị Đại Phạm Thiên ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.

**CHUYỆN TÍCH**

Lúc nọ đức Đại Giác ngự tại Kỳ Viên tịnh xá của Trưởng giả Cấp Cô Độc gần thành Thất La Phiệt. Ngài gọi chư Tỳ khuru Tăng đến và dạy rằng: Này các thầy Tỳ khuru, có lúc nọ Như Lai ngự dưới cội cây to tại rừng Subhavana. Khi ấy tâm của vị Phạm Thiên tên là Bá Ca sanh tà kiến nghĩ rằng: Không có già, không có chết, cũng không có Niết Bàn. Này chư Tỳ khuru khi ấy Như Lai hiểu rõ ý nghĩ của vị Phạm Thiên, đứng lên, trong nháy mắt Như Lai ở trong cội Phạm Thiên, cũng ví như người duỗi tay ra và co vào.

Khi Phạm Thiên Bá Ca thấy Như Lai từ xa ngự đến; liền tỏ lời thỉnh cầu Như Lai ngự vào tòa lâu đài của y. Xong mới bày tỏ ý tưởng, và sự tin tưởng của ông ta.

Khi ấy Như Lai liền dạy rằng: Này Phạm Thiên, ta lấy làm kinh sợ dùm người, vì người đã bị vô minh che ám, làm tối mê, nói lời tà kiến. Những vật gì không thường người cho là thường, vật gì bị hư hại người lại cho là bền vững. Hơn nữa người lại có ý kiến si mê lầm lẫn rằng: Vật này không già, không chết, không thay đổi, không sanh. Người lại nói: Vật gì rất cao quý là nhân diệt khổ, vật ấy không bao giờ có. Này Bá Ca những lời của người nói toàn là lời tà kiến. Vì nguyên nhân bởi Ma vương theo bên người và tìm thế phá hoại đời người. (Ma vương nơi đây đức Thế Tôn ngụ ý dạy là Phiền não Ma vương).

Này các thầy Tỳ khuru, Như Lai biết rõ rằng: Ma vương đã ngự trị trong tâm của Phạm Thiên tên Bá Ca, nên Phạm Thiên Bá Ca mới nói với Như Lai như vậy. Khi ấy Như Lai liền dạy rằng: Này Ma vương, người là hạng ác quỷ. Chắc người tưởng rằng: Như Lai không biết: người đang tàng ẩn trong thâm tâm của Phạm Thiên Bá Ca để làm cho

Phạm Thiên Bá Ca phải bị dưới quyền sai khiến của người. Người làm tướng rằng: Người là thiện nhân, Như Lai là đáng tối cao trong tam giới không ở dưới quyền kiểm soát của người. Như Lai đã tạo ra Trí tuệ Ba la mật đến bờ cao thượng. Nay các thầy Tỷ khưu khi Như Lai dạy như vậy Phạm Thiên Bá Ca mới nói với Như Lai rằng: Nay người giải thoát kia, không có vật gì hoàn toàn an vui giải thoát khỏi bốn cái khổ vĩ đại.

Như Lai liền dạy rằng: Như Lai đã biết rằng: Người có thần thông quảng đại. Rồi Như Lai báo cho Phạm Thiên biết rằng: Trí tuệ của Như Lai có thể hiểu thông những gì trong tam giới mà không có nhân vật nào hiểu rõ được. Như Lai có trí tuệ hiểu rõ quả của chúng sanh thọ hưởng đã làm trong kiếp trước và đời vị lai, Như Lai biết rõ việc trong tam thế của tất cả chúng sanh như hiểu rõ có bao nhiêu nước của đại dương. Như Lai là đáng có trí tuệ vô lượng vô biên hơn tất cả nhân vật trong tam giới. Như Lai được hồng danh là đáng Cao thượng hơn tất cả chư Thiên, Phạm Thiên và nhân loại bởi Như Lai là đáng có trí tuệ vô lượng vô biên.

Phạm Thiên liền nói: Nay người tìm cội chết kia ơi, người đến khoe với ta rằng: Thấy rõ quả tội phước của chúng sanh, ta vẫn chưa tin, vậy ông không nên nói lời ấy với ta nữa, ông là người tà kiến đáng lẽ ra phải bị đọa vào địa ngục.

Như Lai liền bảo rằng: Nay Phạm Thiên, người dùng câu ấy nói với Như Lai có ích chi cho người. Tất cả chư Phật quá khứ hằng có tâm từ bi thuyết pháp độ tín đồ đắc đạo quả nhiều không số kể. Như Lai cũng thuyết pháp độ đời như các vị quá khứ. Nay Phạm Thiên, người không nên theo về tà kiến. Không phải tà kiến chỉ xấu không thôi mà nó lại là nguyên nhân làm hại cho người làm những điều tội ác. Nay Phạm Thiên, người hằng tự khoe mình là bậc có thần thông quảng đại không ai bằng. Vậy người hãy tăng hình cho ta xem ta mới khen người.

Phạm Thiên tăng hình liền, nhưng đức Thế Tôn dùng thần thông không cho y dùng phép ấy được. Khi Ngài để cho ông ta tăng hình được Ngài lại chỉ chỗ của ông ta đang ẩn trú nơi đầu non góc núi nào cũng như là ở ngay trước mắt Ngài. Phạm Thiên tức mình liền hóa ra một hạt cát ở giữa đại dương. Đức Thế Tôn liền lượm hạt cát ấy lên để trong lòng bàn tay. Thật tam giới rộng lớn vô lượng vô biên nơi nào Phạm Thiên cũng có thể đến được. Nhưng không có chỗ nào khả dĩ gọi là trốn khỏi đức Thế Tôn được. Phạm Thiên Bá Ca lấy làm hổ thẹn mới trở vào ngồi trong lâu của ông ta. Khi đức Thế Tôn vừa ngự đến thì chư Phạm Thiên hàng chánh kiến liền rủ nhau đến nơi Phật ngự để nghe đức Thế Tôn thuyết pháp độ ông Phạm Thiên tà kiến ấy, khi thấy ông Phạm Thiên Bá Ca không còn lối nào thoát khỏi Tuệ giác Phật, nên đồng hoan hô đức Thế Tôn và cười chê vị Phạm Thiên tà kiến kia.

Phạm Thiên Bá Ca không thể chịu được lời cười chê của các vị Phạm Thiên khác, nên ông lại nói với đức Phật rằng: Nay ông Sa môn, vậy ông hãy tăng hình đi, nếu ông tránh khỏi mắt ta thì ta khen ông.

Nói dứt tiếng thì đức Thế Tôn biến mất liền, chẳng những là ông Phạm Thiên tà kiến ấy không thấy mà tất cả chư Phạm Thiên có mặt nơi ấy cũng không ai trông thấy cả. Khi ấy các vị Phạm Thiên đều nghe tiếng đức Thế Tôn thuyết pháp ở giữa đám Phạm Thiên mà không sao thấy người. Thuyết xong thời pháp Ngài liền hiện ra cho chư Phạm Thiên thấy.

Lại bị thất bại một lần nữa nên ông Phạm Thiên Bá Ca cả thẹn đi một nơi xa các vị Phạm Thiên khác. Đức Thế Tôn nghĩ: Phạm Thiên Bá Ca là người có thần thông hơn cả các vị khác, mà tìm nơi ngồi yên như thế này, chắc chắn y buồn phiền lắm, vậy ta phải làm sao hóa độ cho được. Rồi đức Thế Tôn liền cố tình thuyết pháp những chuyện tích của ông Phạm Thiên Bá Ca đã làm khi xưa mà chính bản thân ông ta cũng không nhớ

và biết được, nhờ đức Thế Tôn nhắc nên ông được nhớ thêm năm trăm kiếp trước kiếp ấy, đến cùng năm trăm kiếp ấy ông không còn biết được thêm. Đức Thế Tôn lại nhắc cho ông ta nhớ thêm một kiếp nữa là làm cho ông nhớ thêm được năm trăm kiếp nữa. Đức Thế Tôn hành động như thế nhiều lần làm cho Phạm Thiên ấy cảm phục trí tuệ vô lượng vô biên của đấng Đại Giác và ông ta tin chắc rằng: Ông ta không thể nào bằng đức Thế Tôn được. Ông phát tâm trong sạch và kính mến đức Thế Tôn nên ông bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Ngài là đấng Đại Từ Bi nên Ngài mới ngự đến cõi Phạm Thiên này, dùng hào quang của Ngài sáng bao trùm cả cõi Phạm Thiên, Ngài lại còn dùng ánh sáng giải thoát là Pháp bảo đem tiền tích của tôi ra nhắc tôi. Nhờ nơi ấy mà làm cho trí tuệ tôi phát sanh, suy nghĩ thấy vô số kiếp luân hồi của tôi từ trước. Thật đức Thế Tôn là đấng siêu việt cao cả nhứt trong tam thế. Tôi đã phá được lưới vô minh và tà kiến.

Khi đức Thế Tôn biết rằng: Phạm Thiên Bá Ca đã diệt được tà kiến nên Ngài thuyết: Này Phạm Thiên, Như Lai là đấng cao cả, trường thượng hơn hết trong tam giới này, là đấng mà chúng sanh nương nhờ được. Hơn ấy nữa tâm của Như Lai không hề rung động và bảo tố. Rồi đức Thế Tôn thuyết Tứ Diệu Đế.

Sau khi dứt thời pháp có một muôn vị Phạm Thiên đắc đạo quả và phát tâm trong sạch với Tam bảo.

Riêng Ma vương cảm thấy rất hổ thẹn vì nghĩ rằng: Nếu như thế này thì nền móng của ta sắp bị sụp đổ. Vậy ta phải nhập vào làm cho vị Phạm Thiên này chống lại với ông Sa môn Cồ Đàm. Nghĩ xong Ma vương liền nhập vào cho vị Phạm Thiên. Vị Đại Phạm Thiên ấy liền nói: Thưa ông Sa môn Cồ Đàm, Ngài đem pháp Tứ Diệu Đế ra dạy tín đồ chắc chắn sẽ không đem gì lợi ích lại cho đệ tử ông đâu. Vì họ sẽ bị đọa vào bốn đường ác để chịu khổ thôi. Vậy từ đây Ngài đừng bao giờ đem lý thuyết ra dạy đời nữa. Tất cả Phạm Thiên có mặt nơi đây đều là nhờ cúng dường thần lửa, nên được sanh vào cõi này.

Đức Thế Tôn lại dạy vị Đại Phạm Thiên ấy một lần nữa và cho Ma vương biết rằng: Nên chuẩn bị trốn đi là vừa.

Phạm Thiên Bá Ca hết lòng trong sạch vâng giữ hành theo lời Phật dạy, hành theo Vô thường, Khổ não, Vô ngã, nghĩa là dùng Minh sát tuệ nhớ đến những pháp ấy không dám dễ duôi, và hết lòng ca tụng công đức Tam bảo.

Đức Thế Tôn biết các vị Phạm Thiên ấy không còn tà kiến nữa nên Ngài trở về cõi đời.

Đây tôi (tác giả) sưu tầm tám tích này để phối hợp tám câu kệ ngôn trong kinh tụng của Ngài Đại Đức Hộ Tông. Và chỉ thêm hầu quý vị thấy rằng: Đây là những chuyện lạ trong thời kỳ Phật còn tại thế và bốn mươi lăm năm thuyết pháp của Ngài gặp những chuyện rắc rối như quý Ngài đã thấy.

## **CHUYỆN ĐỨC VUA SUPPABUDDHA (THIỆN GIÁC)**

Khi đức Thế Tôn ngự tại chùa Nigrodha ở kinh đô Ca Tỳ La Vệ. Đức vua Suppabuddha (Tàu dịch Thiện Giác) cột oan trái với Phật rằng: Sĩ Đạt Ta bỏ con gái ta là Gia Du Đà La đi xuất gia, con trai ta là Đề Bà Đạt Đa cũng xuất gia theo, Sĩ Đạt Ta cũng chẳng ngó ngang gì tới, trái lại còn oán thù ghét bỏ con ta.

Ngày kia ông nghĩ rằng: Ta sẽ không cho Sĩ Đạt Ta đi thọ thực nơi nhà thí chủ thỉnh cầu đến để cúng dường. Ngài liền truyền quân lấy chướng ngại vật bít đường không cho đức Thế Tôn ngự đi thọ thực. Còn Ngài thì ngự nơi giữa đường uống nước.

Khi đức Thế Tôn và chư Tăng ngự đến nơi ấy không đi tới được, có người đến tâu với Ngài rằng: Có đức Thế Tôn ngự đến ngang qua nơi này.

Ngài bảo: Các người hãy trở lại và bảo cho Thái tử Sĩ Đạt Ta biết rằng: Sĩ Đạt Ta không lớn hơn ta, nên ta không nhường đường cho Sĩ Đạt Ta.

Mặc dầu những người ấy hết lòng van xin cầu khẩn, Ngài cũng như định không bao giờ nhường đường cho đức Thế Tôn ngự qua. Ngài ngồi tự nhiên và uống trà.

Đức Thế Tôn bị chặn đường nên không đi được, Ngài liền ngự trở về. Đức vua Thiện Giác thấy đức Thế Tôn trở về Ngài liền cho mật vụ của Ngài theo và dạy rằng: Người hãy theo dò coi Sa môn Cồ Đàm có nói gì về việc ta cản đường không và trở lại cho ta biết.

Khi đức Thế Tôn ngự trở về Ngài không hề nói lời nào nhưng chỉ mỉm cười thôi. Đức Ananda lấy làm lạ vì vị Chánh đẳng Chánh giác không bao giờ cười vì vui hay tỏ vẻ buồn. Nên Ngài liền hỏi đức Thế Tôn: Bạch đức Thế Tôn có chuyện chi lạ mà Ngài mỉm cười.

- Này Ananda, người có thấy đức vua Thiện Giác chớ?

- Bạch Ngài, có thấy.

- Ngài chặn đường của một đấng Giác Ngộ như Như Lai, Ngài sẽ bị đất rút chết tại nơi chân thang lầu của Ngài vào ngày thứ bảy kể từ ngày hôm nay. (Nghĩa là bỏ hôm nay còn sáu ngày nữa).

Mật thám của nhà vua nghe vậy liền về báo cho Ngài biết. Đức vua nghe vậy mới phán rằng: Lê thường, nếu cháu ta nói điều nào thì chắc chắn là không sai chạy, vậy lần này ta phải làm sao cho cháu ta thành ra kẻ nói dối mới được. Nó nói ta bị đất rút tại chân cầu thang. Vậy thì kể từ hôm nay tới ngày thứ bảy ta sẽ không xuống nơi chân cầu thang; thì làm gì có chuyện ấy. Đến khi quá bảy ngày thì ta lại bêu xấu chuyện này.

Đức vua liền truyền đem những vật mà Ngài thường cần dùng hết lên từng lầu thứ bảy, rồi Ngài ngự trên từng lầu ấy, xong Ngài dạy đem thang lầu đi nơi khác; Ngài định không có thang thì Ngài không thể quên mà xuống đất được. Nơi cửa phòng Ngài để một đồ vật thật tài; và mỗi tầng lầu đều có đồ vật ở nơi ấy. Ngài dạy rằng: Khi nào thấy ta ra cửa nên đẩy vào, và khi nào ta đến thang lầu nên ném ta vào, hay ta xuống tới tầng dưới thì các người hãy ném ta lên. Sự sắp đặt của Ngài thật chu đáo, thời gian lạng lẽ qua sáu ngày rồi không có chuyện gì xảy ra.

Đức Thế Tôn nghe sự canh phòng cẩn mật của nhà vua Ngài mới thuyết rằng: Này các thầy Tỷ khưu, đức vua Thiện Giác ở trên từng lầu bảy như vậy cũng còn chưa đủ, dầu cho Ngài có ngự trên tầng đá giữa hư không, hay ngồi trên hư không, hoặc đi thuyền ra giữa đại dương hay là ngồi trong hòm kín.

Một khi mà đức Chánh đẳng Chánh giác đã nói thì lời nói ấy không bao giờ sai chạy. Đức vua sẽ bị đất rút như lời của Như Lai đã tiên tri. Đức Thế Tôn liền thuyết câu kệ:

NA ANTALIKKHE NA SAMUDDAMAJJHE  
NA PABBATĀNAM VIVARAM PAVISSA  
NA VIJJATI SO JAGATIPPADESO  
YATTHATTHITO MUCCEYYA PAKAMMA.

Nghĩa: Người ở trong hư không không tránh khỏi tử thần. Người giữa đại dương cũng chẳng tránh khỏi tử thần. Người vào ẩn trong hang núi cũng chẳng tránh khỏi tử thần. Trong vũ trụ này không có nơi nào có thể tránh khỏi tay tử thần được.

Chú giải: Ý câu này đức Phật dạy người mà muốn trốn tử thần nơi nào trong tam giới này đều không thể thoát khỏi. Sau khi dứt câu kệ có rất nhiều vị đắc Tu-đà-huờn quả.

Đến ngày thứ bảy, bỗng dung con ngựa của đức vua Thiện Giác lại sút chuồng. Con ngựa này hung dữ như sư tử từ khi sút chuồng ra gặp ai cản này, ngoại trừ đức vua ra thì không còn ai trị nó được. Khi ấy đức vua đang ngự trên tầng lầu thứ bảy, nghe tiếng huyền não ở dưới, Ngài mới ngự ra nơi hành lang để xem coi chuyện gì. Quan hầu cho Ngài biết rằng: Ngựa sút chuồng đang cắn giết người.

Đức vua nghe vậy lật đật chạy ra cửa xuống lầu để bắt ngựa. Những đồ vật mà Ngài cất để canh Ngài, thầy Ngài ra liền ôm lấy Ngài liệng xuống tầng lầu sáu thay vì đây vào phòng. Các đồ vật từng lầu sáu lại ôm Ngài thầy xuống tầng lầu năm nhưng họ nghĩ rằng: Thầy trở lên lầu bảy. Cứ tuần tự như vậy đức vua tới tầng dưới hết và nơi chân cầu thang là nắm mộ của Ngài.

Ngài bị đất rút và chết lại sanh vào A tỳ địa ngục là do nơi nghiệp của Ngài là cản đường không cho Phật đi thọ thực.

## GIẢNG HÒA QUYẾN THUỘC

Lúc nọ lúa sắp chín mà trời hạn làm cho hai nước dòng Thích Ca và dòng Koliya (họ ngoại của đức Thế Tôn) lấy làm lo ngại cho số phận ruộng lúa của mình. Nên hội cả hai nước lại để nghị định sử dụng nước của con sông Rohini. Giòng sông này là ranh giới của hai nước.

Người dòng Koliya nói: Sông Rohini đã nhỏ lại nhằm lúc hạn hán nên nước rất là ít, nếu đem chia ra làm hai bên thì không bên nào được nước đủ để cung cấp cho ruộng lúa. Vậy xin quý vị nhường nước ấy cho chúng tôi.

Dòng Thích Ca nói: Nếu vậy thì vựa lúa của quý quốc sẽ đầy, còn chúng tôi thì có gì. Vậy xin quý vị nhường nước ấy lại cho chúng tôi.

- Chúng tôi không thể nào nhường được.

- Chúng tôi cũng vậy.

Hai bên cãi nhau bằng lời hết sức không phân được nên dùng đến võ lực. Dòng Koliya mới nói: Bọn chúng bây đem những đứa trẻ con xứ Ca Tỳ La Vệ đến đây, cái bọn lấy em gái mình làm vợ, bọn ấy ví như bầy chó rừng. Tượng binh, xa binh, mã binh, và khí cụ của bọn ấy có làm gì được chúng ta.

Còn những người dòng Thích Ca thì nói rằng: Các người nên về gọi những đứa bị bệnh cùi mà người ta đã ruồng bỏ; những kẻ ấy sống cách cô đơn không nơi nương tựa, sống trong cây như những con thú ở hang thì tượng binh, xa binh, mã binh và khí giới của bọn ấy lại làm gì được chúng ta.

(Quý vị muốn biết tại sao hai bên chưởi mắng nhau như vậy xin xem Tiểu sử Thái tử Sĩ Đạt Ta cùng một tác giả).

Những người đã gây sự với nhau toàn là quan quân chứ không có một vị hoàng tộc nào nơi đây. Khi trở về, những người ấy thuật lại những câu chưởi nhau làm cho hai dòng có tình quyến thuộc nóng giận.

Bên dòng Thích Ca hội nhau lại bàn với nhau rằng: Chúng ta phải tỏ cho họ biết rằng: Tài của những người lấy em gái làm vợ ra thế nào? Rồi truyền chuẩn bị quân mã chinh tề kéo ra nơi bờ sông Rohini .

Dòng Koliya cùng hội nhau lại và bảo nhau rằng: Chúng ta phải cho bọn này biết uy lực của những kẻ ở trong bóng cây ra sao? Rồi cũng đưa binh mã ra trận nơi mé sông Rohini .

Sáng ngày hôm ấy, đức Thế Tôn dùng tuệ nhãn xem coi chúng sanh nào có duyên để Ngài tế độ. Ngài thấy quyền thuộc bên cha và mẹ Ngài sắp đánh nhau. Ngài liền nghĩ nếu ta không đến nơi ấy thì cả hai bên đều bị tiêu hoại. Đức Thế Tôn liền ngự đi trên hư không và đến nơi con sông Rohini là nơi hai bên đã giàn mặt trận sắp chiến với nhau. Ngài liền ngự trên hư không nơi giữa con sông Rohini .

Cả hai dòng Thích Ca cũng như Koliya đều trông thấy đức Thế Tôn ngự trên không giữa lòng sông thì lấy làm hồ thẹn nên lật đật để đồ giết người xuống.

Khi ấy đức Thế Tôn mới phán hỏi rằng: Tâu nhị vị Đại vương, chẳng hay quý vị tranh giành chỉ nơi đây?

Một trong những vị hai bên đều bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn chúng tôi không biết.

Đức Thế Tôn hỏi: Vậy ai là người biết rõ nguyên nhân chuyện này.

Hai vị chúa tể của hai dòng liền bắt đầu điều tra thì mới biết rõ rằng: Sở dĩ mà có trận giặc này nguyên lai là giành nước ở con sông Rohini .

Khi ấy mới bạch với đức Thế Tôn: Bạch đức Thế Tôn nguyên lai vì nước con sông Rohini mà ra.

- Tâu Đại vương, vậy nước có giá trị tới bực nào?
- Bạch đức Thế Tôn nước ấy có giá trị rất ít.
- Tâu Đại vương, vậy dòng hoàng tộc có giá trị tới độ nào?
- Bạch đức Thế Tôn đã gọi là dòng hoàng tộc thì giá trị vô lượng vô biên.

Nếu vậy quý vị vịn vào nước kia giá trị rất nhỏ mà lại làm cho hàng hoàng tộc giá trị vô lượng vô biên kia phải tiêu diệt chẳng?

Tất cả quyền thuộc hai bên lấy làm thẹn không ai trả lời. Đức Thế Tôn liền gọi quyền thuộc cả hai bên lại mà dạy rằng: Tâu chư Đại vương, tại sao quý vị làm những chuyện hồ đồ như thế này. Nếu không có Như Lai thì tức nhiên con sông Rohini này sẽ đầm máu trong ngày hôm nay rồi. Thật quý vị làm việc không nên làm. Quý vị là người nhiều oan trái. Còn Như Lai là người vô oan trái. Quý vị là người đa mang nhiều phiền não, nên bị phiền não ấy thiêu đốt nóng nảy đau khổ, còn Như Lai là người mát mẻ thanh tịnh vì không bận mọi việc như là không còn phiền não. Quý vị là người còn ham mê theo ngũ trần. Như Lai lại là người không còn tí mến tiếc những như bản ấy. Đức Thế Tôn thuyết câu kệ:

SUSUKHAM VATAJIVĀMA  
VERINESU AVERINO  
VERINESU MANUSSESU  
VIHĀRĀM AAVERINO v.v...

Nghĩa: Khi tất cả mọi người có oan trái ta không có. Khi mọi người đều có oan trái ta không có gọi là ta sống an vui.

Khi mọi người bị đau khổ ta không có (bị đau khổ). Khi mọi người bị đau khổ, ta không có gọi là ta sống an vui.

Khi tất cả mọi người đều tìm kiếm (sự khoái lạc của trần dục) ta không có (tìm kiếm trần dục) gọi là ta sống an vui.

Chú thích: Ý câu Phật ngôn này dạy người có oan trái, bị đau khổ, chạy theo tìm kiếm Tài, Sắc, Lợi, Danh. Những điều ấy hằng đem lại sự khổ đau trong luân hồi của con người. Ta là người không có những điều ấy nên ta sống một đời nhàn hạ an vui không buồn rầu đau khổ vì được hay mất những vật ấy.

Sau khi dứt thời pháp có nhiều người đắc Tu-đà-hườn quả. Xin nhắc quý vị thấy: Khi ta thấy có kim thân Phật đứng hai tay xòe ra và đưa ra trước, hay tay dựng đứng lên, đó là hình hiện tượng đức Thế Tôn khuyến khuyến thuộc tại con sông Rohini .

## MA VƯƠNG

Khi đức Thế Tôn ngự tại làng Bà la môn tên Paīcasālā. Ngày nọ Ngài thấy có năm trăm cô thiếu nữ có duyên đặc qua Tu-đà-hườn, nhân muốn độ năm trăm cô ấy nên đức Thế Tôn ở lại nơi ấy. Theo thường lệ, đến ngày lễ năm trăm cô ấy xuống tắm ở sông rồi mới trở về làng. Cũng trong ngày ấy, đức Thế Tôn ngự đến khất thực trong làng ấy.

Ma vương thấy Phật đi khất thực, muốn phá Phật nên nhập vào tất cả người trong làng làm cho họ không để bát cho Phật dẫu một muỗng com. Ma vương liền đến cổng làng đợi đức Thế Tôn ra về, hiện ra nói với đức Thế Tôn rằng: Này ông Sa môn, ông không được vá com nào sao?

- Này Ma vương tâm đầy đầy tội lỗi kia, chẳng phải chính ngươi làm cho người không dâng cúng cho Như Lai sao?

- Thưa ông Cồ Đàm, vậy xin mời ông trở lại.

Sự thật thâm tâm của Ma vương định rằng: Nếu thầy Cồ Đàm trở vào, ta sẽ nhập vào những người trong xóm ngõo báng ông ta.

Vừa khi ấy năm trăm cô thiếu nữ ấy cũng vừa về đến cổng làng. Trông thấy đức Thế Tôn liền đánh lễ rồi đứng nép vào một nơi phải lẽ.

Ma vương nói: Thưa ông Cồ Đàm, khi mà ông được com ít thì ông sẽ bị đói, cái ấy nó sẽ hành hạ khó chịu lắm.

Đức Thế Tôn liền dạy rằng: Này Ma vương tâm đầy tội ác kia, mặc dầu hôm nay ta chẳng có được một hột com; nhưng ta cũng vẫn được an vui vì quả của phi lạc cũng ví như Phạm Thiên ở cõi Phạm Thiên. (Không biết đói khổ vì vật thực).

Đức Thế Tôn liền thuyết câu kệ:

SUSUKHAM VATA JĪVAMA  
YESAM NO NATTHI KĪNCANAM  
PITIPHAKKHA BHAVISAMA  
DEVA ABHASSARAM YATHA.

Nghĩa: Ta không có sự rung động (vì các sự việc) thì sống cách an nhàn. Ta có phi lạc là vật thực cũng như Phạm Thiên ở cõi Phạm Thiên tên Abhassara vậy.

Chú giải: Khi tâm không rung động vì còn phiền não, thì sống nơi nào cũng an nhàn sống với phi lạc như Phạm Thiên không cần vật thực.

Dứt thời pháp năm trăm cô thiếu nữ đắc Tu-đà-hườn quả. Ma vương hồ thẹn trốn đi.

## TIỀN KIẾP CỦA ĐỨC PHẬT

Trước kia xứ Vesàli rất thịnh vượng, đến lúc nọ hạn hán làm ruộng thất mùa lúa cao gạo kém, nhân dân nghèo đói; kẻ nghèo không chịu nổi sự đói rét nên chết, người chưa chết đem những người đã chết bỏ trong bãi tha ma. Nạn đói kém gió rét càng kéo dài, người chết càng nhiều đến nỗi không ai chôn ai được, vì vậy nên trong những thôn xóm làng mạc vì người người chết quá nhiều không ai chôn nên mùi hôi thúi rất khó chịu. Nhân cơ hội ấy A tu la, Nga qui đến ăn những tử thi hôi thúi ấy hiện ra làm cho người kinh sợ bỏ trốn đi xứ khác làm ăn, và nhân vì sự hôi thúi ấy khiến sanh ra bệnh ôn dịch. Khi ấy trong thành Vesàli có ba điều tai hại mà nhân dân lấy làm kinh sợ là: Đói kém, Bệnh tật, và ma qui khuấy quá.

Dân chúng còn sống sót hay ở nơi xa hơn liền hội lại để vấn nạn nhà vua. Khi ấy thỉnh nhà vua lâm triều xong, nhân dân hỏi: Tâu Đại vương nay ba điều kinh khủng đã sanh trong thành này. Trước đây bảy triều đại không có sự kinh khủng như thế này bao giờ. Đến triều đại của Đại vương lại phát sanh. Nếu Đại vương là vị minh quân hành đúng theo thiện pháp thì không khi nào có sự kinh khủng như thế này được.

Đức vua liền truyền cho hội hết tất cả các quan và các vị bộ lão lại nơi tiếp dân của nhà vua xong. Đức vua liền dạy: Nay những điều kinh khủng đã sanh làm khổ cho nhân dân vậy chư hiền khanh cùng các vị bộ lão hãy rón nghiên cứu coi trầm có làm điều gì phi pháp mà trời hành dân lành như thế này chăng? Chư hiền khanh và quý vị nên thật tình trình bày cho trầm rõ.

Khi ấy các quan cùng các vị bộ lão cố hết sức tìm coi nhà vua có phạm vào những điều tối quan trọng nào chăng, không hề thấy dấu một lỗi rất nhỏ của nhà vua, nên mới tâu rằng: Tâu Đại vương, chúng thần đã tìm hết, nhưng không thấy Đại vương có lỗi gì. Thật ra Ngài là người vô tội.

Rồi các quan và các vị bộ lão mới bàn với nhau rằng: Vậy tại sao tai nạn kinh khủng lại đến với chúng ta như vậy. Trong nhóm các vị ấy có người có ý kiến là: Phải tế thần. Có vị nói: Phải tế thần lửa. Có người bảo: Phải làm lễ cầu xin với các đấng Thiên thần. Có người bảo: Phải thỉnh sáu vị Tổ sư của sáu tôn giáo lớn nhất đến đây. Khi các Ngài đến là tai qua nạn khỏi vì các vị ấy là người có đức hạnh cao thượng. Có người nói: Hiện nay đã có đức Chánh đẳng Chánh giác trong thế gian này rồi. Ngài là đấng có oai đức vô lượng vô biên, Ngài là Thiên Nhơn Sư, ngài là đấng Đại từ bi, Ngài là đấng cứu độ nhơn sanh thoát khỏi trầm luân. Nếu mà Ngài ngự đến đây, tức nhiên những tai nạn kinh khủng thấy đều phải tiêu diệt.

Phần đông các quan và các vị bộ lão đều tán thành ý kiến của người ấy. Rồi hỏi nhau rằng: Ai biết hiện giờ đấng Đại Từ Bi cứu khổ cứu nạn ấy đang ngự ở đâu?

Khi ấy lại cận ngày nhập hạ, và đức Thế Tôn đã thuyết pháp độ được đức Bình Sa Vương đang ngự tại Trúc Lâm tịnh xá. Trong nhóm ấy có vị hoàng thân xứ Vesàli là ông Mahàli là vị đắc Tu-đà-hườn quả một lượt với đức Bình Sa Vương.



Khi ấy đức vua xứ Vesàli và các quan cùng các vị bô lão đồng ý là cử ông Mahàli là vị quan Đại thần đem chiếu thỉnh cầu đức Thế Tôn với những lễ vật quý báu. Đức vua dạy, trước hết phải vào châu đức vua Bình Sa Vương trước cho Ngài biết rằng đến thỉnh đức Thế Tôn xong rồi hãy vào thỉnh đức Thế Tôn.

Hai vị vâng chiếu chỉ ra đi. Khi đến Vương Xá thành vào triều kiến đức vua Bình Sa Vương và bày tỏ tự sự. Đức vua Bình Sa Vương liền phán: Vậy quý Ngài hãy tùy tiện vào hầu Phật và thỉnh cầu Ngài.

Hai vị liền vào hầu Phật và bạch: Bạch hoá đức Đại Từ Bi, ba điều tai nạn kinh khủng đã phát sanh tại thành Vesàli. Quốc vương của chúng tôi cùng triều thần và dân chúng đồng lòng ngưỡng cầu thỉnh đức Thế Tôn ngự đến cứu độ chúng tôi. Khi đức Thế Tôn ngự đến thì tất nhiên tất cả nạn tai kinh khủng thấy đều tiêu diệt.

Khi Ngài nghe lời thỉnh cầu ấy, Ngài liền dùng trí tuệ quan sát coi và Ngài thấy rõ rằng: Khi ta thuyết bài kinh Rattanasutta tại thành Vesàli thì oai đức bài kinh ấy sẽ phổ biến sâu rộng đến cả muôn ngàn người hưởng hương vị của Thánh quả và tai nạn kinh khủng ấy sẽ tiêu diệt. Đức Thế Tôn liền nhận yêu cầu.

Đức vua Bình Sa Vương hay tin đức Thế Tôn nhận lời ngự đến xứ Vesàli, Ngài liền ra lệnh truyền cho dân chúng biết và chính mình Ngài vào hầu đức Thế Tôn và bạch hỏi rằng: Bạch đức Thế Tôn, Ngài đã nhận lời thỉnh cầu ngự đến thành Vesàli rồi phải chăng?

- Tâu Đại Vương, phải vậy.

- Nếu vậy xin đức Thế Tôn đình chỉ lại. Rồi Ngài về truyền lệnh phải sửa chữa đường cho thật bằng phẳng từ Vương Xá thành đến bờ sông Ganga là năm do tuần; mỗi một do tuần đều có nhà mát để đức Thế Tôn nghỉ và thọ thực; và cũng cho dân chúng hay biết ngày giờ nào đức Thế Tôn ngự đến đâu, để dân chúng tiếp đón rất trọng thể. Trên đường đi của đức Thế Tôn phải trải bông đủ năm màu và rất thơm mà phải cao cho tới đầu gối. Hai bên đường phải treo cờ phướn làm cho mát cả đường. Mỗi một vị Tỷ khưu đều có một cây lọng một tầng che. Còn đức Thế Tôn thì phải che lọng hai tầng. Đức Thế Tôn ngự tới bờ sông Ganga là đúng năm ngày. Đức vua Bình Sa Vương đã trang bị thuyền rất đẹp ở bên bờ sông bên này. Ngài liền cho quan hầu cho tin đức vua Licchavi hay tin và chuẩn bị tiếp rước đức Thế Tôn.

Dân thành Vesàli cùng đức vua và cả hoàng tộc hội nhau lại bàn về bố thí của đức vua Bình Sa Vương, và định phải làm cao hơn gấp đôi. Liên truyền cho nhân dân làm đường rộng từ bờ sông Ganga đi ba do tuần đến thành Vesàli. Làm cây lọng có bốn tầng dành che cho đức Phật, còn lọng hai tầng che cho chư Tăng.

Khi thuyền cập bến, đức vua Bình Sa Vương, Ngài truyền kéo màn từ thuyền đến bờ không cho nắng r?i vào thân hình đức Thế Tôn và chư Tỷ khưu, chung quanh tám màn che nắng đều kết hoa lạ thơm. Bảo tọa để Phật ngự làm bằng vàng và nạm bảy thứ ngọc quý. Đức Thế Tôn ngự trên bảo tọa có chư Thánh Tăng ngồi hầu chung quanh. Khi đức vua Bình Sa Vương đưa đức Thế Tôn xuống thuyền, Ngài lần đi xuống nước, khi nước sâu tới cổ đức vua mới bạch đức Thế Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn, trăm sẽ ở đợi đức Thế Tôn nơi này đến khi đức Thế Tôn trở lại. Rồi Ngài mới truyền cho thủy thủ chèo thuyền đi.

Thuyền đi đến một do tuần mới đến ranh giới hai nước Ma Kiệt Đà và Vesàli. Vua và hoàng tộc cùng dân chúng xứ Vesàli tiếp rước rất trọng thể. Đức vua bận đồ triều phục đi lần xuống nước khi nước tới cổ đến bên thuyền đức vua đỡ mũi thuyền từ từ diu vào bờ, chính Ngài đỡ cây đòn dãi. Khi đức Thế Tôn vừa đứng dậy để bước đến be thuyền

thì trời kéo mây đen kịch, tiếp theo là trận mưa xối xả. Đã lâu không mưa nên trận mưa này là trận mưa đầu tiên thật to, có nơi nước ngập tới bắp vế tới lưng quần. Những từ thì vô chủ bị nước lũ trôi xuống sông Ganga chảy ra biển cả. Đất được thấm nước mùi hôi thúi hết hẳn.

Đức vua Licchavi truyền dừng bước khi đi hết một do tuần; vì nơi ấy có chỗ để đức Thế Tôn an tọa và nhà vua cùng hoàng tộc với dân chúng cúng dường Phật bảo và Tăng bảo vật thực. Từ bờ sông Ganga đến thành Vesàli phải đi ba ngày đường. Đức vua cùng dân chúng làm lễ cúng dường thật là long trọng gấp đôi đức vua Bình Sa vương đã cúng dường.

Thiên vương Đế Thích và nhiều chư Thiên đến nơi Phật ngự hầu Phật. Vì Thiên vương Đế Thích và các vị chư Thiên đức trọng đến hầu Phật, nên loài Nga qui, A tu la lấy làm kinh sợ bỏ trốn hết không dám ở gần.

Đến chiều lại, đức Thế Tôn ngự nơi cửa thành Vesàli gọi Đại Đức Ananda đến dạy rằng: Ananda này, người nên học thuộc lòng bài kinh tên RATTANASUTTA này, rồi cùng đi với một vị Hoàng thân Licchavi, đọc bài kinh quanh thành Vesàli ba vòng.

Đại Đức Ananda học xong bài kinh của đức Thế Tôn dạy, lấy bát của đức Thế Tôn để đầy nước xong đứng tại cửa thành Vesàli niệm tưởng đến công đức Phật. Kể từ khi phát nguyện thành Phật Chánh đẳng Chánh giác là tu theo mười pháp ba la mật. Mười pháp ba la mật đến bờ trên và mười pháp ba la mật đến bờ cao thượng.

Năm pháp Đại thí là: 1/ Thí con. 2/ Thí vợ. 3/ Thí của. 4/ Thí thân thể. 5/ Thí sanh mạng.

Ba pháp Hành là: 1/ Hành cho lợi kỳ. 2/ Hành cho lợi tha. 3/ Hành hầu chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tư cách giáng sanh vào lòng mẹ trong kiếp chót. Tư cách ra đời. Tư cách xuất gia. Tư cách tu khổ hạnh. Tư cách cảm thảng Ma vương dưới cội Bồ đề. Tư cách chứng quả Chánh Biến Tri trên Bồ đoàn. Tư cách Chuyển Pháp Luân và chín pháp Thánh là (bốn Đạo, bốn Quả và một Niết Bàn). Khi quán tưởng xong rồi Đại Đức Ananda mới vào thành đi cả ba vòng thành đọc kinh Rattanasutta trọn cả đêm. Nước thánh của Đại Đức Ananda rải làm cho kinh động bọn ma quái. Bọn ấy khi bị nước thánh của đức Ananda vừa đọc ba câu đầu là Yànidha Bhutàni samàkatàni là không thể nào ở lại nơi ấy được đồng cùng nhau chạy trốn. Nước thánh mà Đại Đức Ananda rải ra xem như là những tràng ngọc trắng trong thật là xinh đẹp, trong khi ấy những người bệnh chưa chết đều được lành mạnh.

Dân chúng trong thành lo tạo ra Tăng đường để trai Tăng giữa kinh thành. Tại Tăng đường có treo những hoa thơm để cúng dường đức Thế Tôn và chư Thánh Tăng. Đức Thế Tôn ngự giữa Tăng đường có chư Tăng ngồi hầu và có nhà vua cùng hoàng tộc với dân chúng thật là cảnh trang nghiêm, những vết tích chết chóc và sự kinh khủng hãi hùng tiêu diệt hết. Đức Thiên Vương Đế Thích và các vị chư Thiên ngự trên không trung. Đại Đức Ananda đọc kinh Rattanasutta ấy cả đêm không nghỉ. Đến sáng ngày mới vào hầu Phật.

Khi ấy dân chúng và hoàng tộc cùng nhà vua mới cúng dường vật thực cho chư Thánh Tăng có đức Thế Tôn làm tọa chủ. Đức Thế Tôn cũng thuyết bài kinh Rattanasutta như Đại Đức Ananda đọc khi đêm. Đức Thế Tôn ngự tại thành Vesàli bảy ngày, Ngài cũng vẫn thuyết bài kinh Rattanasutta luôn cả bảy ngày. Ngài biết rằng: Sự tai hại hãi hùng trong thành Vesàli đã hết. Nên Ngài liền kiêu từ đức vua trở về Vương Xá thành. Đức vua cùng dân chúng tiễn đưa Ngài thật là long trọng. Khi đến bờ sông Ganga, đức vua

Licchavi và dân chúng cầu xin đức Thế Tôn ngự tại bờ sông để cúng dường thêm ba ngày nữa.

Các vị Long vương ở bờ sông Ganga thấy sự cúng dường của hai vị vua trọng thể như vậy mới nghĩ rằng: Người đi làm lễ cúng dường đến Như Lai thật là trọng thể. Vậy chúng ta phải làm gì đây? Chư Long vương liền hóa ra ba thứ thuyền là một thứ bằng vàng, một thứ bằng bạc và một thứ bằng ngọc. Trên mỗi chiếc đều có bảo tọa, ghe bằng thứ gì thì bảo tọa cũng bằng thứ ấy. Trên thuyền trang điểm bằng hoa sen đủ năm màu tươi đẹp lạ thường. Rồi đến thỉnh cầu đức Thế Tôn ngự trên thuyền của mình để trở về Vương Xá thành.

Khi ấy, người và chư Thiên cùng Long vương tranh nhau làm lễ cúng dường đến chư Tăng và đức Thế Tôn thật là trọng hậu. Chư Thiên Phạm Thiên đến nơi đang bố thí dựng cờ phướn lơ lửng. Cờ và phướn cao tận hư không, thật là một cảnh huy hoàng trang nghiêm không từng có bao giờ.

Sau cùng vì lòng từ bi đức Thế Tôn liền ngự lên một chiếc thuyền bằng ngọc của Long vương hiện ra. Còn mỗi vị Tỳ khuru cũng đi trên một chiếc tùy thích của mình. Long vương liền đưa đức Thế Tôn và chư Đại Đức Tăng về cõi Long vương cúng dường rất trọng thể. Sau cùng, đưa về nơi đức vua Bình Sa Vương đang chờ đón. Khi ấy, cũng có chư Thiên đợi tiếp rước về Vương Xá thành. Thật là một chuyến đi vô cùng long trọng.

Khi về đến Vương Xá thành thì ngày hôm sau chư Tỳ khuru còn phạm mới hội nhau nơi pháp đường để bàn về chuyến đi lạ lùng và oai đức của đức Thế Tôn làm cho ba điều tai hại kinh khủng tiêu diệt. Vì sự trong sạch với Phật bảo, mà hai vị Quốc vương làm ra con đường dài hằng tám do tuần theo ven bờ sông Ganga rất bằng phẳng.

Khi các vị đang bàn tán về việc ấy thì đức Thế Tôn đã ngự đến và hỏi các Ngài đang bàn về việc gì? Các Ngài bạch đang bàn về việc tiếp rước long trọng và sự cúng dường của chư Thiên, Long vương, thật oai đức của Phật bảo vô lượng vô biên.

Đức Thế Tôn dạy rằng: Này các thầy Tỳ khuru, sự cúng dường trọng thể như vậy, không phải do nơi oai đức của Phật bảo hoặc Long vương hay chư Thiên mà lại do nơi một quả bồ thí rất nhỏ riêng của cá nhân Như Lai trong kiếp quá khứ mà thôi.

Đức Thế Tôn dạy câu này không phải ý muốn phỉ báng Phật bảo, nhưng Ngài muốn chỉ quả của sự cúng dường với tâm trong sạch. Khi ấy chư Tỳ khuru yêu cầu đức Thế Tôn thuyết Túc Sanh Truyen.

Đức Thế Tôn dạy: Trong kiếp quá khứ, tại xứ Takkasilà có một gia đình của thầy Bà la môn tên là Sankha có một người con trai tên là Susima. Khi người con ấy được mười sáu tuổi thưa với cha rằng Thưa cha, con muốn xin cha cho phép con đi đến xứ Bārānasi để học phép mầu.

- Con ơi, cha có một người bạn chí thân là vị Bà la môn rất thông về pháp mà con muốn học, ông ta cũng ở xứ Bārānasi ; vậy con đến học với ông ta.

Người con vâng lời cha đi đến thành Bārānasi vào hầu người bạn của cha. Khi ông Bà la môn biết là con của bạn cũ. Ông hết lòng săn sóc và dạy thật là chu đáo. Cậu Susima thật là thông minh phi phạm, học mau hiểu và hiểu rất chu đáo. Khi cậu học không bao lâu kinh luật và tất cả mọi việc đều lão thông. Cậu cảm thấy không được rột ráo còn lấm chổ nghi ngờ liền vào hầu thầy và thưa rằng: Thưa thầy, con đã học thuộc hết cả rồi, nhưng con cảm thấy hình như chưa hoàn toàn tới nơi tới chốn, ý con muốn nói chưa đoạt được hết lý lẽ trong lời mà con đã học.

Ông thầy bảo: Con ơi, chính thầy cũng như con, không hiểu rõ hết lý của lời dạy ấy.

- Thưa thầy, có chắc rằng: Trong vũ trụ này cũng không còn ai thông hiểu nữa chăng?

- Con ơi, chỉ có những ông đạo sĩ ở trong rừng Isipatana mới là bậc thông suốt những lời kinh mà con đã học. Con nên đến nơi ấy hỏi coi.

Cậu Susima liền đến rừng Isipatana vào hầu chư Phật Độc Giác và hỏi những sự nghi ngờ rằng: Thưa chư Đại Đức, Ngài có thông hiểu những điều này chăng?

Chư Độc Giác Phật dạy: Chúng ta thông hiểu ráo rớt mọi sự việc.

- Vậy cúi xin Ngài từ bi chỉ dạy cho tôi.

- Rất tiếc là chúng ta không thể dạy người không xuất gia.

Cậu Susima liền chịu xuất gia để học những sự mình đang nghi ngờ. Xuất gia không bao lâu ông cũng đắc quả Bích Chi Phật (là Độc Giác Phật). Nhưng tuổi thọ Ngài không được trường thọ nên lại nhập diệt trước khi về giáo hóa cha già.

Nói về ông Bà la môn Sankha nhớ con nên đến thành Bārāṇasī để thăm con. Khi ấy người bạn mới cho biết là con ông muốn hiểu thông triệt để những sự nghi ngờ mà từ xưa đến nay chưa có vị Tỳ sư nào giải nổi, nên đã đến rừng Isipatana học với các vị đạo sĩ. Ông Bà la môn Sankha lật đật đến nơi ấy để thăm con. Nhưng khi đến nơi chư Độc Giác Phật cho hay rằng: Con ông đã nhập diệt và có dựng phủ đồ thờ để dân chúng đến cúng dường. Ông Bà la môn lấy làm đau khổ vì mất đứa con yêu quý. Ông đến nơi chân phủ đồ (là Tháp) nhỏ cỏ dại, cởi lấy khăn choàng của mình ra đi hốt cát trắng sạch đem lại trải nơi chân phủ đồ, bẻ hoa thơm đến trải lên cúng dường, lấy vải làm lọng che phủ đồ và làm phướn treo quanh phủ đồ, rồi ông mới ra về.

Khi nhắc qua chuyện quá khứ, Ngài lại dạy rằng: Nay các thầy Tỳ khuru, Ông Bà la môn tên Sankha ấy chính là Như Lai hiện tại đây. Như Lai đã nhỏ cỏ dại ở chân phủ đồ của đức Độc Giác Phật; do nhờ phước báu ấy nên đường đi của Như Lai được dọn bằng phẳng. Quả của sự cúng dường hoa thơm nên được trải hoa thơm theo đường đi. Làm lọng che phủ đồ và phướn nên được có lọng và phướn che mát theo đường đi và chư Thiên cũng đem đến cúng dường rất trọng thể.

Nay các thầy Tỳ khuru, sự cúng dường và vật cúng dường mà các ông đã thấy không phải do nơi oai đức của Phật báo mà do nơi sự cúng dường của Như Lai khi là vị đại Bồ Tát.

Đức Thế Tôn liền dạy câu kệ:

MITTASUKHU PARICCAGA  
PASSE CE VIPULMA SUKHAM.  
CAJE MATTASUKHAM DHIRO.  
SAMPASSAM VIPULAM SUKHAM.

Nghĩa: Nếu bậc trí thức trông thấy sự an vui vĩ đại vì sự dứt bỏ sự an vui vừa phải. Dứt bỏ sự an vui vừa phải sẽ được an vui cao quý.

Chú giải: Ý nói bậc trí thức khi nhận thấy mình cúng dường của cái mà mình đã có tùy theo sức mình trong kiếp hiện tại này thì sẽ được an vui cao quý ngày vị lai, ý nói cúng dường vừa phải là đồ cúng dường ấy tùy theo của mình đã có chớ không phải đem hết của cái đã có ra cúng.

Sau khi dứt thời pháp có rất nhiều vị đắc Tu-đà-hườn quả.

-ooOoo-

[Trang trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Trang kế](#)

---

*Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)*

---

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*update: 25-04-2001*